

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Xóm I, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Phan Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: khối A, phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Vũ Khắc T1, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm I, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Khắc T2, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Ông Vũ Khắc T2, sinh năm 1958.

2) Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1958.

Cùng nơi cư trú: Xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

3. Chị Vũ Thị T4, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Xóm E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

4 Chị Vũ Thị Ngọc T5, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Xóm H, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền của T4, chị T5: Ông Vũ Khắc T2, sinh năm 1958
Nơi cư trú: Xóm 8, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Giao cho ông Vũ Khắc T2, bà Nguyễn Thị Thích Q sở hữu ngôi nhà ba tầng mặt sàn cả ba tầng có chiều dài 15,30m, chiều rộng 5m xây dựng trên thửa đất số 375, tờ bản đồ số 6 được UBND huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T3 ngày 21/5/2004 nay là thửa số 126, tờ bản đồ số 80 (bản đồ số) tại xóm I, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Cụ thể:

Tầng 1 nền lát gạch liên doanh, tường lát gạch liên doanh, trần thạch cao gồm phòng khách, nhà bếp, 01 phòng ngủ và 01 nhà vệ sinh;

Tầng 2 nền lát gạch liên doanh, tường gia trát, sơn màu, có hai phòng ngủ, một phòng sinh hoạt chung, 01 nhà vệ sinh, trần đồ bê tông;

Tầng 3 nền lát gạch liên doanh, tường gia trát, sơn màu, một phòng thờ 27m², sân thượng hai bên lợp mái tôn, rào sắt hộp 14mm diện tích xây dựng 49,5m².

Sân phía trước nhà nền lát gạch Block 31,5m², mái lợp tôn có rèm 40,6m²; T6 xây sò tấp lô 18,2m², phía trên là rào sắt hộp, có sơn có diện tích 16,8m²;

Cổng sắt hộp có sơn 04 cánh diện tích 7,97m²; 02 cột cổng ốp gạch liên doanh 04 mặt, lõi bê tông cốt thép kích thước 0,5m x 0,5m x cao 2,7m;

Sân phía sau nhà nền lát gạch liên doanh diện tích 21,5m²; mái tôn diện tích 29m²; Tường xây sò tấp lô 16,5m²; Bể cạn đồ trực tiếp bê tông thể tích 10m³; Giếng bằng ống cống xi măng đường kính 1m, sâu 10m;.

Ông Vũ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T3 thống nhất giao cho chị Vũ Thị Thanh ½ giá trị tài sản số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng).

Ngày 18/9/2024 ông Vũ Khắc T2, bà Nguyễn Thị T3 đã giao đủ số tiền 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) cho chị Vũ Thị T.

Anh Vũ Khắc T1 không yêu cầu ông Vũ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T3 giao số tiền bù chênh lệch tài sản.

2.2. Về chi phí tố tụng: Chị Vũ Thị T thỏa thuận chịu số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng) chị T đã nộp.

Ông Vũ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T3 thỏa thuận chịu số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ông T2, bà T3 phải trả cho chị T số tiền chi phí tố tụng là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng. Ngày 18/9/2024 ông Vũ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T3 đã giao đủ cho chị Vũ Thị T chi phí tố tụng là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2.3. Về án phí: Chị Vũ Thị T thỏa thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Hoàn trả cho chị Vũ Thị T số tiền 3.712.000đ (ba triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) trong số tiền tạm ứng án phí 12.462.000đ (mười hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005595 ngày 30/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Ông Vũ Khắc T2 và bà Nguyễn Thị T3 thỏa thuận chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND h.Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS h.Quỳnh Lưu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nghệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).